

HỆ THỐNG CÂU HỎI HỘI THI PHÁP LUẬT

1. Đáp án nào là chính xác: Điều 26 về Cơ sở giáo dục mầm non bao gồm:

- a) Nhà trẻ, nhóm trẻ độc lập nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 03 tuổi;
- b) Trường mẫu giáo, lớp mẫu giáo độc lập nhận trẻ em từ 03 tuổi đến 06 tuổi;
- c) Trường mầm non, lớp mầm non độc lập là cơ sở giáo dục kết hợp nhà trẻ và mẫu giáo, nhận trẻ em từ 03 tháng tuổi đến 06 tuổi.

d) Tất cả đều đúng.

2. Đáp án nào là chính xác: Điều 76 về Tiền lương đối với Chính sách của nhà giáo:

- a) Nhà giáo được xếp lương phù hợp với vị trí việc làm và lao động nghề nghiệp;
- b) Được ưu tiên hưởng phụ cấp đặc thù nghề theo quy định của Chính phủ.

c) Tất cả đều đúng.

3. Những người lao động nào sau đây bắt buộc phải đóng BHXH?

- a. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn
- b. Cán bộ, công chức, viên chức
- c. Sĩ quan quân đội, công an

d. Tất cả các đối tượng trên

4. Hiện nay, NLD tham gia BHXH bắt buộc được hưởng những chế độ nào?

- a. Ốm đau, thai sản, tử tuất, tai nạn lao động
- b. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất
- c. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

5. BHXH tự nguyện gồm những chế độ nào?

- a. Ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất
- b. Hưu trí, tử tuất**
- c. Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ốm đau, thai sản

6. Lao động nữ đóng BHXH bao lâu thì được hưởng chế độ thai sản khi sinh?

- a. Từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con**
- b. Từ đủ 07 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con
- c. Từ đủ 08 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con

7. Trong thời gian mang thai, lao động nữ được nghỉ bao lâu để đi khám thai?

- a. Nghỉ 02 lần, mỗi lần 02 ngày làm việc
- b. Nghỉ 4 lần, mỗi lần 01 ngày làm việc
- c. Nghỉ 05 lần, mỗi lần 01 ngày làm việc;**

Theo Điều 32 Luật BHXH 2014 thì trong thời gian mang thai, lao động nữ được nghỉ việc để đi khám thai 05 lần, mỗi lần 01 ngày; Trường hợp ở xa cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc người mang thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường thì được

nghi 02 ngày cho mỗi lần khám thai. Thời gian nghỉ việc tính theo ngày làm việc không kể ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

8. Khi sảy thai, nạo, hút thai dưới 5 tuần tuổi, lao động nữ được nghỉ theo chế độ thai sản tối đa bao lâu?

- a. 10 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần
- b. 15 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần
- c. 17 ngày tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần

Theo Điều 33 Luật BHXH 2014, khi sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý thì lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo chỉ định của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền. Thời gian nghỉ việc tối đa 10 ngày nếu thai dưới 05 tuần tuổi; 20 ngày nếu thai từ 05 tuần tuổi đến dưới 13 tuần tuổi; 40 ngày nếu thai từ 13 tuần tuổi đến dưới 25 tuần tuổi; 50 ngày nếu thai từ 25 tuần tuổi trở lên. Thời gian nghỉ việc này tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hằng tuần.

9. Anh A đang đóng BHXH, vợ anh A sinh con phải phẫu thuật. Anh được nghỉ bao nhiêu ngày theo chế độ thai sản?

- a. 07 ngày làm việc
- b. 10 ngày làm việc
- c. 15 ngày làm việc

Theo Khoản 2 Điều 34 Luật BHXH 2014 thì Lao động nam đang đóng BHXH khi vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như sau: a) 05 ngày làm việc; b) 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi; c) Trường hợp vợ sinh đôi thì được nghỉ 10 ngày làm việc, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc; d) Trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật thì được nghỉ 14 ngày làm việc. Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản quy định tại khoản này được tính trong khoảng thời gian 30 ngày đầu kể từ ngày vợ sinh con.

10. Lao động nữ đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản khi sinh con được hưởng những quyền lợi gì?

a. Trợ cấp thai sản 06 tháng, mỗi tháng bằng 100% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 tháng trước khi nghỉ việc hưởng chế độ thai sản; Và trợ cấp 1 lần = 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con

b. Được nghỉ thai sản + trợ cấp thai sản mỗi tháng nghỉ bằng 100% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH của 06 tháng trước khi nghỉ hưởng chế độ thai sản; Và trợ cấp 1 lần mỗi con = 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con.

c. Được nghỉ thai sản + trợ cấp 1 lần = 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con

Theo Điều 34, 38 và 39 thì lao động nữ đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản khi sinh con được nghỉ thai sản + trợ cấp thai sản mỗi tháng nghỉ bằng 100% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 06 tháng trước khi nghỉ hưởng chế độ thai sản; Và trợ cấp 1 lần mỗi con = 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con.

11. Chị M đang nghỉ sinh con theo chế độ thai sản. Chị dự định đi làm lại khi chưa hết thời gian nghỉ thì phải đáp ứng điều kiện gì?

a. Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 02 tháng + phải báo trước và được NSDLĐ đồng ý

b. Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 03 tháng + phải báo trước và được NSDLĐ đồng ý

c. Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 04 tháng + phải báo trước và được NSDLĐ đồng ý

Theo Khoản 1 Điều 40 Luật BHXH 2014 thì lao động nữ có thể đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Sau khi đã nghỉ hưởng chế độ ít nhất được 04 tháng; b) Phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý.

12. NLD làm việc trong điều kiện bình thường được hưởng lương hưu khi nào?

a. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 17 năm đóng BHXH trở lên

b. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên

c. Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 23 năm đóng BHXH trở lên

Theo Khoản 1 Điều 54 Luật BHXH 2014 thì trừ lao động nữ là người hoạt động chuyên trách hoặc không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và những người làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm,... còn lại NLD làm việc trong điều kiện bình thường được hưởng lương hưu khi: Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên.

13. NLD được hưởng trợ cấp 1 lần khi nghỉ hưu nếu đáp ứng điều kiện nào?

a. Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng lương hưu 65%

b. Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng lương hưu 70%

c. Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng lương hưu 75%

Theo Khoản 1 Điều 58 Luật BHXH 2014 thì Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu 75% thì khi nghỉ hưu, ngoài lương hưu còn được hưởng trợ cấp một lần.

14. Chọn đáp án đúng nhất: Trường hợp nào sau đây NLD đang đóng BHXH bắt buộc được hưởng BHXH 1 lần?

a. Ra nước ngoài để định cư

b. Bị bệnh nguy hiểm đến tính mạng như HIV/AIDS giai đoạn cuối, ung thư, bại liệt,...

c. Cả hai trường hợp trên

Theo Khoản 1 Điều 60 Luật BHXH 2014 thì NLD đang đóng BHXH bắt buộc được hưởng BHXH 1 lần khi thuộc 1 trong các trường hợp sau: a. Đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ năm đóng BHXH và không tiếp tục tham gia BHXH tự nguyện; b. Ra nước ngoài định cư; c. Đang mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan, phong, lao, nhiễm HIV đã chuyển sang AIDS,

15. Anh A đóng BHXH bắt buộc được 10 tháng thì ngừng đóng. Nếu thuộc trường hợp được hưởng BHXH 1 lần thì mức hưởng của anh A là bao nhiêu?

a. Bằng số tiền đã đóng, tối đa bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH

b. 01 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH

c. 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH

Theo Khoản 2 Điều 60 Luật BHXH 2014 thì mức hưởng BHXH một lần được tính theo số năm đã đóng BHXH, cứ mỗi năm được tính như sau: a) 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho những năm đóng trước năm 2014; b) 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho những năm đóng từ năm 2014 trở đi; c) Nếu thời gian đóng chưa đủ một năm thì mức hưởng BHXH bằng số tiền đã đóng, tối đa bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH.

16. Mức hưởng trợ cấp mai táng đối với NLD tham gia BHXH bắt buộc theo quy định hiện hành là bao nhiêu?

a. Bằng 05 lần mức lương cơ sở tại tháng mà NLD đang đóng BHXH mất.

b. Bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà NLD đang đóng BHXH mất.

c. Bằng 15 lần mức lương cơ sở tại tháng mà NLD đang đóng BHXH mất.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 66 Luật BHXH 2014 thì mức trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà NLD đang đóng BHXH mất.

17. Chọn đáp án đúng nhất: NLD tham gia BHXH bắt buộc mất trong trường hợp nào thì thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng?

a. Đang hưởng lương hưu

b. Mất do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

c. Cả hai trường hợp trên

Theo Khoản 1 Điều 67 Luật BHXH 2014 thì NLD tham gia BHXH bắt buộc mất trong những trường hợp sau thì thân nhân được hưởng tiền tuất hằng tháng: a) Đã đóng BHXH đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng BHXH một lần; b) Đang hưởng lương hưu; c) Chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; d) Đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61 % trở lên.

18. Mức trợ cấp tuất hằng tháng cho thân nhân NLD đóng BHXH bắt buộc mất là bao nhiêu?

a. Mỗi thân nhân = 40% mức lương cơ sở; Thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương cơ sở

b. Mỗi thân nhân = 50% mức lương cơ sở; Thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương cơ sở

c. Mỗi thân nhân = 60% mức lương cơ sở; Thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương cơ sở

Theo Khoản 1 Điều 68 Luật BHXH 2014 thì mức trợ cấp tuất hằng tháng đối với mỗi thân nhân NLD đóng BHXH bắt buộc bằng 50% mức lương cơ sở; trường hợp

thân nhân không có người trực tiếp nuôi dưỡng thì mức trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương cơ sở.

19. Trường hợp nào NLD tham gia BHXH tự nguyện mất thì người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng?

- a. Thời gian đóng BHXH từ đủ 40 tháng trở lên
- b. Thời gian đóng BHXH từ đủ 50 tháng trở lên
- c. Thời gian đóng BHXH từ đủ 60 tháng trở lên**

Theo Khoản 1 Điều 80 Luật BHXH 2014 thì NLD đóng BHXH tự nguyện mất trong những trường hợp sau thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng: a) Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 60 tháng trở lên; b) Người đang hưởng lương hưu. Cũng theo quy định này, trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà người đóng mất.

20. NLD tham gia BHXH tự nguyện mỗi tháng đóng bao nhiêu?

- a. 20% mức thu nhập tháng do NLD lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất
- b. 22% mức thu nhập tháng do NLD lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất**
- c. 25% mức thu nhập tháng do NLD lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

Theo Khoản 1 Điều 87 Luật BHXH 2014 thì NLD tham gia BHXH tự nguyện hằng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng do NLD lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng BHXH thấp nhất bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở.

21. NLD tham gia BHXH được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp khi nào?

a. Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ LĐTB & XH ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại; Và suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh.

b. Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ LĐTB & XH ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại; Và suy giảm khả năng lao động từ 7% trở lên do bị bệnh.

c. Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ LĐTB & XH ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại; Và suy giảm khả năng lao động từ 10 % trở lên do bị bệnh.

Theo Khoản 1 Điều 46 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 thì điều kiện để NLD được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp bao gồm: Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành và suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh.

22. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động bao nhiêu % thì được hưởng trợ cấp 1 lần?

- a. Từ 5% đến 30%**
- b. Từ 35% đến 40%
- c. Từ 40% đến 45%

Theo Khoản 1 Điều 48 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 thì NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp một lần cụ thể như sau: Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng năm lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở; Ngoài mức trợ cấp này, còn được hưởng thêm khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống thì được tính bằng 0,5 tháng, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng vào quỹ được tính thêm 0,3 tháng tiền lương đóng vào quỹ của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động hoặc được xác định mắc bệnh nghề nghiệp.

23. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động bao nhiêu % thì được hưởng trợ cấp hàng tháng?

- a. 25%
- b. 30%
- c. 31%**

Theo Khoản 1 Điều 49 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 thì NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên thì được hưởng trợ cấp hàng tháng. Mức trợ cấp hàng tháng cụ thể như sau: Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở; Ngoài mức trợ cấp này, hàng tháng còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5%, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng vào quỹ được tính thêm 0,3% mức tiền lương đóng vào quỹ của tháng liền kề trước tháng bị tai nạn lao động hoặc được xác định mắc bệnh nghề nghiệp.

24. Người lao động được hưởng trợ cấp phục vụ khi nào?

- a. Bị suy giảm khả năng lao động từ 75% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần
- b. Bị suy giảm khả năng lao động từ 80% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần
- c. Bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần**

Theo Điều 52 Luật an toàn vệ sinh lao động 2015 thì NLĐ bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị bệnh tâm thần thì ngoài mức hưởng trợ cấp hàng tháng, hàng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương cơ sở.

25/ Câu hỏi: Luật số: 36/2024/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2024 qui định về Luật gì? Có hiệu lực từ thời gian nào?

Trả lời: Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ- có hiệu lực từ 01/01/2025

26/ Câu hỏi: Nghị định nào Quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe ?có hiệu lực từ thời gian nào?

Trả lời: Nghị định số 168/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2024 - có hiệu lực từ 01/01/ 2025

28/ Câu hỏi: điểm c khoản 7 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP; điểm b khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP *qui định vượt đèn đỏ KHÔNG gây tai nạn giao thông*) phạt bao nhiêu tiền? Trừ mấy điểm giấy phép lái xe.

Trả lời

Vượt đèn đỏ (Không gây tai nạn giao thông)	+ Bị phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. + Bị trừ điểm giấy phép lái xe 04 điểm.
---	---

29/ Câu hỏi: điểm b khoản 10 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP; điểm d khoản 13 Điều 7 Nghị định 168/2024/NĐ-CP *qui định vượt đèn đỏ GÂY TAI NẠN GIAO THÔNG*) phạt bao nhiêu tiền? Trừ mấy điểm giấy phép lái xe.

Vượt đèn đỏ (Gây tai nạn giao thông)	+ Bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. + Bị trừ điểm giấy phép lái xe 10 điểm.
---	---